TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 446/2020/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 27 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(Về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật)
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Vũ Quang Dũng**

Thư ký phiên họp: Ông **Nguyễn Văn Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà **Vương Thị Thanh Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 434/2020/TLST-VHNGĐ ngày 13/11/2020 về việc "Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật"; theo Quyết định mở phiên họp số 434/2020/QĐMPH-HNGĐ ngày 19/11/2020, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- Những người yêu cầu:

+ Chị Nguyễn Thuý P(tức Nguyễn Thị H), sinh năm 1976

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971

Cùng ĐKHKTT và nơi ở hiện nay tại: Thôn 9, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội.

(Chị P và anh T có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: UBND xã N, huyện G, thành phố Hà Nội - Địa chỉ: xã N, huyện G, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn A - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy B - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND (Theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND xã N) (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Theo đơn yêu cầu và bản tự khai cũng như tại phiên họp chị Nguyễn Thúy P và anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Năm 1992 chị P và anh T có tìm hiểu nhau và thời điểm đó cũng một phần là do bà nội của chị P là cụ Thạch Thị M bị ốm nặng nên gia đình hai bên giục cưới để tránh cụ M chết thì lại phải để tang cũng một phần là không hiểu biết pháp luật nên cả hai bên gia đình thống nhất quyết định cho chúng tôi kết hôn với nhau. Thời điểm đó gia đình chị P đã giấu chính quyền địa phương và lấy tên thường gọi là Nguyễn Thị H và khai dối năm sinh của chị P thêm hai tuổi cho đủ tuổi để chúng tôi kết hôn. Chính vì lý do đó nên chúng tôi đã làm đơn đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do UBND xã N chứng nhận ngày 6/6/1992 cho vợ chồng tôi.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã N, huyện G, thành phố Hà Nội do bà Nguyễn Thị Thúy B - Phó Chủ tịch UBND xã N trình bày:* Chị Nguyễn Thúy P, sinh ngày 09/3/1976 và chồng là anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/02/1971. Năm 1992, chị P và anh T có yêu nhau thì bà nội của chị P là cụ Thạch Thị M bị ốm nặng nên gia đình hai bên giục cưới để tránh cụ M chết thì lại phải để tang. Tại thời điểm đó chị P chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên bố chị P (ông Nguyễn Ngọc V) đã gặp cán bộ tư pháp xã N để nhờ đăng ký kết hôn cho chị P và anh T. Sau đó anh T , chị P đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã ngày 06/6/1992. Tại thời điểm đó do chị P do thiếu hiểu biết pháp luật đã khai tên thường gọi ở nhà là Nguyễn Thị H và năm sinh của mình là năm 1974 cho đủ tuổi kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng, anh T và chị P có hai con chung là cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 25/6/1993 và cháu Nguyễn Thị L1, sinh này 11/12/1997. Từ sau khi đăng ký kết hôn cho đến nay quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P vẫn được duy trì. Chị P và anh T nguyện vọng vẫn tiếp tục công nhận quan hệ hôn nhân.

Ngày 28/7/2020, UBND xã N đã xác minh việc anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 có vợ là Nguyễn Thúy P, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thúy P có tên thường gọi khác là Nguyễn Thị H là đúng. Hiện tại, anh T và chị P vẫn đang sống hạnh phúc với nhau. Năm 1992 khi làm thủ tục đăng ký kết hôn anh T và chị P đã cố tình khai không đúng sự thật nên UBND xã N đăng ký kết hôn không đúng quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án nhân dân huyện G giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi của công dân.

** Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên họp về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết việc dân sự:*

Từ khi thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, khoản 3 Điều 367, Điều 369, Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị Nguyễn Thúy P và anh Nguyễn Văn T do UBND xã N, huyện G chứng nhận ngày 06/6/1992

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị P và anh T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện G nhận định:

[1]. **Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết**: Chị Nguyễn Thuý P và anh Nguyễn Văn T đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn 9, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội - chị P và anh T đã được UBND xã N cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13 ngày 06/6/1992 khi đó chị P chưa đủ tuổi kết hôn là trái pháp luật. Nay chị P và anh T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội hủy việc kết hôn trái pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự việc Tòa án nhân dân huyện G thụ lý việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2]. **Về nội dung**: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như: Đơn trình bày của chị P, anh Tcó xác nhận của UBND xã N ngày 09/10/2020; Công văn số 228/UBND-TP ngày 05/8/2020 của UBND xã N, huyện G, thành phố Hà Nội; Biên bản xác minh ngày 28/7/2020 của UBND xã N, huyện G, thành phố Hà Nội; Đơn trình bày của chị P có xác nhận của UBND xã N ngày 25/7/2020 (Bản sao); Biên bản làm việc ngày 25/7/2020 của UBND xã N, huyện G, thành phố Hà Nội; Trích lục kết hôn ngày 06/5/2020; Sơ yếu lý lịch tự thuật của chị Nguyễn Thuý P được UBND xã N xác nhận ngày 09/10/2020; Giấy khai sinh mang tên chị Nguyễn Thuý P (Bản chứng thực); Căn cước công dân mang tên chị Nguyễn Thuý P và

anh Nguyễn Văn T (Bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình mang tên anh Nguyễn Văn T (Bản sao); Trích lục khai sinh mang tên cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 25/6/1993 và cháu Nguyễn Thị L1, sinh ngày 11/12/1997.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 quy định: "Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn."Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 06/6/1992, chị P chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn và họ tên trong Đăng ký kết hôn không đúng với họ tên trong giấy khai sinh của chị P. Tại thời điểm yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị P và anh T đều xác định anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con chung, tài sản chung nhưng vì năm sinh và tên gọi của chị P không khớp nhau đã ảnh hưởng đến cuộc sống của anh chị và các con nên việc chị P và anh Tcó đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ theo Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung và tài sản chung: Chị P, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. **Về lệ phí giải quyết việc dân sự**: Chị P và anh T có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

+ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

+ Khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

+ Điều 149, 370, 371 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

+ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Nguyễn Thúy P, sinh ngày 09/3/1976 và anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/02/1971.

Chị Nguyễn Thuý P(tức Nguyễn Thị H) và anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thuý P và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 25/6/1993 và cháu Nguyễn Thị L1, sinh ngày 11/12/1997. Hiện các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thuý P và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thuý P và anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2010/0005635 ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G có quyền kháng nghị quyết định theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện G;
- Chi Cục THADS huyện G;
- Đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Vũ Quang Dũng